TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ TÂN CHÂU** TỈNH AN GIANG Bản án số: 13/2023/HNGĐ-ST Ngày: 09 - 03 - 2023 *"V/v Tranh chấp ly hôn"*	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ TÂN CHÂU, TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Hòa Bình
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Nguyễn Quốc Dũng
2. Bà Nguyễn Thị Kiều Trang

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Minh Cảnh - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thùy Linh – Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 03 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Tân Châu xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 451/2022/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 11 năm 2022 về việc "Tranh chấp ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 14/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 03 tháng 02 năm 2023 và quyết định hoãn phiên tòa số 05/2023/QĐST- HNGĐ ngày 20 tháng 02 năm 2023 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Anh Phan Văn N, sinh năm 1975; Địa chỉ cư tru: Tổ A, ấp B, xã V, thị xã T, tỉnh An Giang.

- *Bị đơn:* Chị Lê Thị L, sinh năm 1973; Địa chỉ cư trú: Tổ A, ấp B, xã V, thị xã T, tỉnh An Giang.

Anh N có mặt, chị L vắng mặt phiên tòa lần 2, không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 27 tháng 09 năm 2022 và tại phiên tòa, nguyên đơn anh N trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh N và chị L sau thời gian tìm hiểu và tự nguyện tiến đên hôn nhân, đăng ký kết hôn tại UBND xã V, thị xã T, tỉnh An Giang theo giấy chứng nhận kết hôn số 69 ngày 05- 06- 2017.

Cuộc sống chung hòa thuận, hạnh phúc đến năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm, tính tình không hợp nhau, thường

xuyên cự cãi, thiếu tôn trọng nhau, cả hai cố gắng hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng không thành, đã không còn sống chung từ năm 2021cho đến nay, nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn anh N yêu cầu được ly hôn với chị L.

- Về nuôi con chung: Không có
- Về tài sản chung và nợ chung: Không có

Bị đơn chị Lê Thị L có hộ khẩu thường trú tại: Tổ A, ấp B, xã V, thị xã T, tỉnh An Giang. Chị L không có mặt tại nơi cư trú. Do đó, Tòa án không ghi được lời khai của chị L, Tòa án đã tiến hành tống đạt các văn bản tố tụng bằng cách niêm yết theo quy định tại Điều 179 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Phát biểu của Kiểm sát viên về việc tuân thủ pháp luật tố tụng dân sự:

Thẩm phán, thư ký và Hội đồng xét xử đã thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn theo đúng quy định tại Điều 48; Điều 203; Điều 239 Bộ luật tố tụng dân sự từ giai đoạn thụ lý cho đến khi giải quyết vụ án.

Việc chấp hành pháp luật của người tham giam tố tụng: Nguyên đơn thực hiện đúng đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại các Điều 70 - 71- 72 - 234 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Chị L vắng mặt phiên tòa lần 2, căn cứ điểm b, khoản 2 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, đề nghị tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định.

Về nội dung:

- Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án tuyên xử:

- Về quan hệ hôn nhân: Cho ly hôn giữa anh Phan Văn N với chị Lê Thị L.

Giấy chứng nhận kết hôn số 69 ngày 05- 06- 2017 do UBND xã V, thị xã T, tỉnh An Giang cấp cho anh Phan Văn N và chị Lê Thị L không còn giá trị pháp lý.

- Về nuôi con chung: Không có
- Về tài sản chung và nợ chung: Anh N khai trong thời gian sống chung với chị L không có tài sản chung và nợ chung, tuy nhiên do chị L vắng mặt nơi cư trú, không có lời khai nên không xác định được giữa anh N và chị L có tài sản chung và nợ chung không. Do đó, đề nghị không đặt ra xem xét giải quyết về tài sản chung và nợ chung, sau này nếu có tranh chấp sẽ giải quyết bằng một vụ án khác theo quy định của pháp luật.
- Về án phí: Anh Phan Văn N phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định vụ án như sau:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về thẩm quyền: Anh Phan Văn N khởi kiện yêu cầu ly hôn với chị Lê Thị L có địa chỉ cứ trú tại: Tổ A, ấp B, xã V, thị xã T, tỉnh An Giang, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Tân Châu theo quy định tại khoản 1 Điều 28 và Điều 35 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[1.2] Về sự vắng mặt của đương sự: Tại phiên tòa, bị đơn chị L1 vắng mặt lần thứ 2, không lý do, căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân năm 2015, vẫn tiến hành xét xử vắng mặt chị L theo quy định.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Anh N và chị L sống chung, có tổ chức lễ cưới, đăng ký kết hôn tại: UBND xã V, thị xã T, tỉnh An Giang, giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 69 ngày 05- 06- 2017 là hôn nhân hợp pháp.

Cuộc sống chung hòa thuận, hạnh phúc đến năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm, tính tình không hợp nhau, thường xuyên cự cãi, thiếu tôn trọng nhau, cả hai cố gắng hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng không thành, đã không còn sống chung từ năm 2021cho đến nay, nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn anh N yêu cầu được ly hôn với chị L.

Căn cứ vào lời trình bày của anh N và qua xác minh thì được biết. cuộc sống chung vợ của anh N và chị L là có mâu thuẫn, tuy nhiên trong khoản thời gian dài không sống chung, anh N và chị L không chủ động hàn gắn tình cảm vợ chồng, không thực hiện quyền và nghĩa vụ vợ chồng mà pháp luật đã quy định. Điều này cho thấy mâu thuẫn giữa anh N và chị L, đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, việc anh N yêu cầu ly hôn với chị L là có căn cứ chập nhận, căn cứ Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 cho ly hôn giữa anh N và chị L.

Giấy chứng nhận kết hôn số số 69 ngày 05- 06- 2017 do UBND xã V, thị xã T, tỉnh An Giang cấp cho anh Phan Văn N và chị Lê Thị L không còn giá trị pháp lý.

[2.2] Về nuôi con chung:Anh N và chị L không có con chung, nên không xem xét giải quyết.

[2.3] Về tài sản chung và nợ chung: Anh N khai trong thời gian sống chung với chị L không có tài sản chung và nợ chung, tuy nhiên do chị L vắng mặt nơi cư trú, không có lời khai nên không xác định được giữa anh N và chị L có tài sản chung và nợ chung không, nên không đặt ra xem xét giải quyết về tài sản chung và nợ chung trong vụ án này, sau này nếu có tranh chấp sẽ giải quyết bằng một vụ án khác theo quy định của pháp luật.

[2.4] Về án phí: Theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. anh N phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được chuyển từ tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên

lai thu số 000721 ngày 08 tháng 11 năm 2022 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang,

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điểm b, khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân năm 2015; Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử :

- *Về quan hệ hôn nhân:* Cho ly hôn giữa anh Phan Văn N với chị Lê Thị L.

Giấy chứng nhận kết hôn số 69 ngày 05- 06- 2017 do UBND xã V, thị xã T, tỉnh An Giang cấp cho anh Phan Văn N và chị Lê Thị L không còn giá trị pháp lý.

- *Về con chung*: Không có .

- *Về tài sản chung và nợ chung:* Không đề cập giải quyết.

- *Về án phí*: Anh Phan Văn N phải chịu 300.000đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm, được chuyển từ tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 000721 ngày 08 tháng 11 năm 2022 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang,

- Về quyền kháng cáo: Chị Nguyễn Thị P có mặt phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng anh Nguyễn Văn D vắng mặt tại phiên, có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày bản án được giao hoặc niêm yết hợp lệ.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND TX.Tân Châu;
- Chi cục THADS TX. Tân Châu;
- UBND nơi đăng ký kết hôn;
- Các đương sự (để thi hành);
- Lưu: Hồ sơ, V.phòng.

Phạm Hòa Bình